TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST.
Ngày 24/9/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Chuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thái

Ông Hà Bửu Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Trương Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST-DS, ngày 20/4/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 9 năm 2018.

Nguyên đơn: Ông Lê Văn B ; Sinh năm: 1966 (có mặt)
Bà Võ Thị Th ; Sinh năm: 1969 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện G, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông Trần Văn E; Sinh năm:1954 (có mặt)
Bà Nguyễn Thị Đ ; Sinh năm: 1954 (có mặt)
Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện G, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông B và bà Th yêu cầu ông E và bà Đ trả số tiền 89.968.099 đồng (hai bên có làm hợp đồng vay tài sản) và yêu cầu tính lãi suất theo ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 26/5/2014 cho đến ngày xét xử. Lý do ông B và bà Th khởi kiện là do ông bà trả nợ thay số tiền trên cho Ngân hàng Kiên Long vì ông E và bà Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích đất ông E và bà Đ cầm cố cho ông B và bà Th. Sau đó, ông E và bà Đ hẹn trả nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Vào ngày 18/8/2018, ông B và bà Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông bà xác định không yêu cầu ông E và bà Đ trả lãi tính từ ngày 26/5/2014 cho đến ngày xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2018, bị đơn ông E và bà Đ thừa nhận ông bà có làm hợp đồng vay Ngân hàng Kiên Long số tiền gốc và lãi là 89.968.099 đồng,

có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến phần đất cầm cố cho ông B và bà Đ, Ngân hàng ra thông báo sẽ khởi kiện số tiền trên và yêu cầu phát mãi tài sản, vợ chồng ông không có tiền để thanh toán nên có thỏa thuận với ông B và bà Th đứng ra trả nợ thay và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà Th quản lý. Ông E và bà Đ xác định không có ký tên trong hợp đồng vay tài sản nhưng thừa nhận số tiền còn thiếu của ông B bà Th là 89.968.099 đồng. Ông E và bà Đ hiện không có khả năng trả số tiền này mà ông bà đồng ý giao thửa đất đang cầm cố trừ ngang qua cho đủ với số vàng đã cầm cố và tiền còn thiếu nhưng ông B và bà Th không đồng ý. Ông E và bà Đ xin không tính phần lãi suất vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án được thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông B và bà Th khởi kiện yêu cầu ông E và bà Đ giao trả số tiền 89.968.099 đồng. Đối với yêu cầu trên của ông B và bà Th đã được ông E và bà Đ thừa nhận tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nên yêu cầu khởi kiện của ông B và bà Th là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với phần lãi suất ông B và bà Th tự nguyện rút nên áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi. Ghi nhận việc ông B và bà Th sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E, bà Đ.

Về án phí: Yêu cầu của ông B, bà Th được chấp nhận nên ông E và bà Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn B và bà Võ Thị Th khởi kiện, yêu cầu ông Trần Văn E và bà Nguyễn Thị Đ giao trả số tiền 89.968.099 đồng nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện ông B và bà Th yêu cầu ông E và bà Đ giao trả số tiền 89.968.099 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 26/5/2014 cho đến ngày xét xử; nhưng đến ngày 18/8/2018 ông B và bà Th có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất. Việc ông B và bà Th rút yêu cầu không tính lãi là tự nguyện, không trái quy định pháp luật và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông B và bà Th.

Đối với số tiền gốc 89.968.099 đồng ông B, bà Th yêu cầu ông E và bà Đ giao trả bắt nguồn từ việc ông E, bà Đ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền của Ngân hàng Kiên Long, đến thời hạn thanh toán nhưng ông E, bà Đ không trả, Ngân hàng Kiên Long thông báo sẽ khởi kiện nên giữa ông B, bà Th và ông E, bà Đ thỏa thuận ông B đứng ra thanh toán trả nợ thay để nhận giấy chứng nhận về ông E giao cho vợ chồng ông B quản lý. Đồng thời, hai bên có thỏa thuận thời hạn trả và lãi suất nhưng đến hẹn ông E và bà Đ không thanh toán nên ông B bà Th mới

khởi kiện, việc yêu cầu khởi kiện của ông B, bà Th được ông E và bà Đ thừa nhận và đồng ý giao trả. Áp dụng khoản 1, 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông E và bà Đ phải giao trả cho ông B, bà Th số tiền là: 89.968.099 đồng. Tuy nhiên, giữa các bên không thống nhất về cách thức giao trả nên cách thức giao trả sẽ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng quyết định khi án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 89.968.099 đồng x 5% = 4.498.404 đồng.

Do yêu cầu của ông B và bà Th được chấp nhận nên ông E và bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.498.404 đồng.

Hoàn trả lại cho ông B, bà Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2531 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Khoản 1, 4 Điều 11; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B, bà Võ Thị Th đối với ông Trần Văn E, bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn E, bà Nguyễn Thị Đ giao trả cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Võ Thị Thsố tiền là 89.968.099 (tám mươi chín triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn không trăm chín mươi chín) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I68132 do ông Trần Văn E đứng tên, hiện ông B và bà Th đang quản lý. Sau khi ông E và bà Đ thanh toán xong số tiền trên thì ông B và bà Th phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông E.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất của ông B, bà Th đối với ông E, bà Đ.

3.Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Văn E, bà Nguyễn Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 4.498.404 (bốn triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm linh bốn) đồng.

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông B, bà Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2531 ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thỡ người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên